TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-KDTM	*Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 317, điều 325, điều 357; các điều 463, điều 466, điều 467, điều 468 của BLDS 2015. Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 69/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Thaihotdings, số 210 đường Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Công Q

Địa chỉ: khối 1, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Công L

Địa chỉ: khối 1, phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Bà Trương Thị N

Địa chỉ: khối 1, phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Công Q, chị Trần Thị H và Ngân hàng TMCP B, ông Nguyễn Công L, bà Trương Thị N thỏa thuận như sau: anh Nguyễn Công Q và chị Trần Thị H thống nhất thỏa thuận trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc 74.400.860đ (Bảy mươi tư triệu, bốn trăm ngàn, tám trăm sáu mươi đồng), tiền lãi trong hạn đến ngày 12/01/2022 là: 4.662.191đồng, lãi quá hạn: 38.342.650đồng; Tổng cả gốc và lãi: 118.014.365đồng (Một trăm mười tám triệu, không trăm mười bốn ngàn, ba trăm sáu lăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số đồng tín dụng số HĐTD4302019189 ngày 27/5/2019 theo khế ước nhận nợ số 4302019189/05 ngày 20/3/2020 và khế ước nhận nợ số 4302019189/06 ngày 10/4/2020. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận khách hàng vay phải

tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP B thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Liên Việt theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP B.

- Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh Q, chị H không trả được nợ hoặc không tự bán tài sản thì ông Long, bà Nam sẽ tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP B là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ 02 tại khối 1, phường Bến Thủy, Thành phố Vinh thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Công L và bà Trương Thị N theo Hợp đồng thế chấp số 43013/034/HĐTC1 ngày 02/3/2013 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số PL01-43013/034/HĐTC1 ngày 02/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP B và ông Nguyễn Công L, bà Trương Thị N.

3. Về án phí: anh Nguyễn Công Q, chị Trần Thị H mỗi người phải chịu 1.475.000đ (Một triệu, bốn trăm bảy lăm ngàn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai nộp tiền số 0009598 ngày 29/10/2021.

4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP B thỏa thuận chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Công Q, chị Trần Thị H thỏa thuận chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Ngân hàng TMCP B đã nộp đủ 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Buộc anh Nguyễn Công Q và chị Trần Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định tài sản.

Bên được thi hành án và bên phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
-TAND tỉnh Nghệ An

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoài